

Số: 53/2022/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 22 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 60/2022/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về ly hôn, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị Thu T, sinh năm 1990

- **Bị đơn:** Anh NguTyễn Văn T1 (Tên gọi khác: Nguyễn Thanh T1), sinh năm 1989

Cùng trú tại: Xóm S, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2022,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị Thu T và anh Nguyễn Thanh T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thu T và anh Nguyễn Thanh T1 nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn T3, sinh ngày 19/2/2012 cho anh Nguyễn Thanh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T do anh T1 không có yêu cầu.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Nợ chung: Không có

- Về án phí: Chị Bùi Thị Thu T tự nguyện nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước; Được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ theo biên lai số 0005329 ngày 19 tháng 5 năm 2022. Hoàn trả cho chị T 150.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã H;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA-DS huyện Đ;
- TAND tỉnh;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quang Tuấn

1. Đình chỉ giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 60/2022/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về ly hôn, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị Thu T, sinh năm 1990

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1989

Cùng trú tại: Xóm Sơn Quang, xã Hóa Thượng, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

- Quyền khởi kiện: Đương sự vẫn có quyền khởi kiện lại vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về án phí: Chị Bùi Thị Thu T không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được hoàn trả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0005329 ngày 19 tháng 5 năm 2022 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.